

Số: 2840 /QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 29 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hành chính tư pháp
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện
UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực hành chính tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .

Thay thế Quyết định số 2065/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa lĩnh vực hành chính tư pháp thực hiện tại Sở Tư pháp, Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26/4/2017 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Website VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, KSTTHC.



CHỦ TỊCH

Đoàn Văn Việt



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP
TRƯỚC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP,
UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH LÂM ĐỒNG
Ban hành kể từ theo Quyết định số: 2870 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch					
1	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	8.000đồng/bản sao	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
2	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	135 ngày (Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	3.000.000 đồng/ trường hợp	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của liên Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	85 ngày (Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	2.500.000 đồng/ trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của liên Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày (Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	2.500.000 đồng/ trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của liên Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - 05 ngày làm việc (trường hợp có đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam). - 15 ngày làm việc (trường hợp không đủ cơ sở xác định quốc tịch Việt Nam). Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền. 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tỉnh Lâm Đồng.</p> <p>Địa chỉ: 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.</p>	100.000 đồng/ trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ; - Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của liên Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

II. Lĩnh vực nuôi con nuôi

1	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tỉnh Lâm Đồng.</p> <p>Địa chỉ: 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.</p>	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
---	---	------------------	--	-------------	--

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	35 ngày Sở Tư pháp: 20 ngày; UBND tỉnh: 15 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	4.500.000 đồng/ trường hợp	- Luật nuôi con nuôi 2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp; - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 8/7/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

III. Lĩnh vực cấp phiếu lý lịch tư pháp

1	Thủ tục cấp phiếu lý lịch cho cơ quan tiến hành tố tụng; cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	- 10 ngày làm việc; - 15 ngày làm việc (Trường hợp công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài; người nước ngoài). - Trường hợp khẩn cấp không quá 24 giờ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ: 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	- 200.000 đồng /lần/người. - 100.000 đồng /lần/người (đối với học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ). - Kể từ phiếu thứ 3 trở đi được thu thêm 5.000 đồng/phiếu.	- Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/05/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
---	--	--	---	--	---

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - 10 ngày làm việc; - 15 ngày làm việc (Trường hợp công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài; người nước ngoài). 	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tỉnh Lâm Đồng.</p> <p>Địa chỉ: 36 Trần Phú, phường 4, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 200.000 đồng /lần/người. - 100.000 đồng /lần/người (đối với học sinh, sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ). - Kể từ phiếu thứ 3 trở đi được thu thêm 5.000 đồng/phiếu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009; - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ; - Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/05/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; - Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực hộ tịch					
1	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<p>75.000 đồng/ trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	13 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	1.500.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
3	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	75.000 đồng/ trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<p>1.500.000 đồng/ trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
5	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	15 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Đăng ký khai sinh: 75.000 đồng/ trường hợp - Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng/ trường hợp <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
6	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với đăng ký giám hộ cũ. 03 ngày làm việc đối với đăng ký giám hộ đương nhiên.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	75.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự. - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng. - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
7	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	75.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự. - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng. - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
8	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	<ul style="list-style-type: none"> - Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung hộ tịch. - 03 ngày làm việc đối với việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	28.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng. - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
9	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	75.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
10	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	75.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
11	Thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	75.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
12	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp xác minh thì không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	75.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
13	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp xác minh thì không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	75.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
14	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp xác minh thì không quá 13 ngày làm việc (không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	1.500.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hôn nhân và gia đình; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
15	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	75.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
16	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	8.000 đồng/bản sao	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
II. Lĩnh vực chứng thực					
01	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
02	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - 02 ngày trong trường hợp giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	2.000 đồng/trang Từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
03	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - 02 ngày trong trường hợp giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối chiếu hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<p>2.000 đồng/trang</p> <p>Từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
04	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	<p>10.000 đồng/ trường hợp</p> <p>(Trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
05	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	30.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
06	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	25.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
07	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	2.000 đồng/trang Từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
08	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	10.000 đồng/ trường hợp	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
09	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	10.000 đồng/ trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
10	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
11	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/ văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
12	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	50.000 đồng/ văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cơ sở pháp lý
I. Liên thông thủ tục hành chính đăng ký khai sinh					
1	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - 20 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định cần hoàn thiện, bổ sung thông tin thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc. - Đối với các xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp huyện từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa được kết nối Internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - 8.000 đồng/trường hợp đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn (quá 60 ngày kể từ ngày sinh con). - Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp: <ul style="list-style-type: none"> + Đăng ký khai sinh đúng hạn; Đăng ký khai sinh cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. + Đăng ký cấp sổ hộ khẩu, cấp sổ tạm trú lần đầu; Công dân là bố, mẹ, vợ (hoặc chồng), con dưới 18 tuổi của liệt sỹ; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con dưới 18 tuổi của thương binh và người hưởng chính sách như thương binh; bệnh binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình nghèo; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Cư trú năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013); - Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014); - Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 10/6/2015 của liên Bộ: Tư pháp, Công an, Y tế; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	<ul style="list-style-type: none"> - 15 ngày làm việc, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định. - Trường hợp hồ sơ, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định cần hoàn thiện, bổ sung thông tin thì thời hạn giải quyết được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc. - Đối với các xã cách xa trụ sở cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp huyện từ 50 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn, chưa được kết nối Internet thì thời hạn trả kết quả được kéo dài thêm nhưng không quá 05 ngày làm việc. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - 8.000 đồng/trường hợp đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn (quá 60 ngày kể từ ngày sinh con). - Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp: + Đăng ký khai sinh đúng hạn; Đăng ký khai sinh cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014); - Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 10/6/2015 của liên Bộ: Tư pháp, Công an, Y tế; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
II. Lĩnh vực hộ tịch					
1	Thủ tục đăng ký khai sinh	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - 8.000 đồng/trường hợp đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn (quá 60 ngày kể từ ngày sinh con). - Miễn thu lệ phí đối với các trường hợp: + Đăng ký khai sinh đúng hạn; Đăng ký khai sinh cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
2	Thủ tục đăng ký kết hôn	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	15.000 đồng/trường hợp Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
4	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - 8.000 đồng/trường hợp đối với đăng ký khai sinh không đúng hạn (quá 60 ngày kể từ ngày sinh con). - 15.000 đồng/trường hợp đối với đăng ký nhận cha, mẹ, con. - Miễn lệ phí đăng ký khai sinh trong những trường hợp đăng ký khai sinh đúng hạn; cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - Miễn lệ phí đăng ký nhận cha, mẹ, con trong những trường hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Thủ tục đăng ký khai tử	<ul style="list-style-type: none"> - Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn lệ phí đăng ký khai tử trong những trường hợp đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký khai tử cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. - 8.000 đồng/trường hợp đối với trường hợp đăng ký khai tử không đúng hạn (quá 15 ngày kể từ ngày có người chết). 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
6	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
8	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	Thủ tục đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
10	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
11	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	<p>- 03 ngày làm việc đối với yêu cầu thay đổi, cải chính hộ tịch; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc.</p> <p>- Trong ngày làm việc đối với yêu cầu bổ sung hộ tịch.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	<p>15.000đồng/ trường hợp</p> <p>Miễn lệ phí trong những trường hợp đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Dân sự; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
12	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	<p>03 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 06 ngày làm việc (Không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh).</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	<p>15.000 đồng/ trường hợp.</p> <p>Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
13	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc. Trường hợp xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (Không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	8.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
14	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (Không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	8.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
15	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc. Trường hợp xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 13 ngày làm việc (Không tính thời gian gửi văn bản yêu cầu xác minh và thời gian gửi văn bản trả lời kết quả xác minh).	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	30.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
16	Thủ tục đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	8.000 đồng/ trường hợp. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng; - Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
17	Thủ tục cấp bản sao trích lục hộ tịch tại UBND cấp xã nơi quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	8.000 đồng/bản sao.	- Luật hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

II. Lĩnh vực nuôi con nuôi

01	Thủ tục đăng ký nuôi con nuôi trong nước	30 ngày. Kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày; Ghi vào sổ đăng ký, giao, nhận con nuôi: 20 ngày.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	400.000 đồng/ trường hợp Miễn lệ phí đối với trường hợp: cha dưỡng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận trẻ em khuyết tật, trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo và việc nuôi con nuôi ở vùng sâu, vùng xa.	- Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/06/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp. - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ.
----	--	---	---	---	--

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
02	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	05 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Miễn lệ phí	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010; - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ; - Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/06/2011 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp. - Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ.

III. Lĩnh vực chứng thực

01	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
----	-------------------------------	---	---	-------	--

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
02	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	<p>- Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- 02 ngày làm việc đối với trường hợp cùng một lúc yêu cầu chứng thực bản sao từ nhiều loại bản chính giấy tờ, văn bản; bản chính có nhiều trang; yêu cầu số lượng nhiều bản sao; nội dung giấy tờ, văn bản phức tạp khó kiểm tra, đối hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	<p>2.000 đồng/trang.</p> <p>Từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.</p>	<p>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
03	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	10.000 đồng/ trường hợp (Trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
04	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	30.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
05	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	25.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
06	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	2.000 đồng/trang. Từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
07	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	50.000 đồng/ hợp đồng, giao dịch.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
08	Thủ tục chứng thực di chúc	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	50.000 đồng/ di chúc.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
09	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	50.000 đồng/ văn bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
10	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	50.000 đồng/ văn bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
11	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	50.000 đồng/ văn bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp; - Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

*** Ghi chú:**

+ Căn cứ pháp lý lĩnh vực hộ tịch:

- Luật hộ tịch năm 2014;
- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;
- Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;
- Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.
- Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức thu, nộp, chế độ quản lý và sử dụng các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng.
- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;
- Luật Cư trú năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú năm 2013);
- Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014);
- Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT ngày 10/6/2015 của liên Bộ: Tư pháp, Công an, Y tế hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.

+ Căn cứ pháp lý lĩnh vực quốc tịch:

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.
- Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.
- Thông tư số 08/2010/TT-BTP ngày 25/3/2010 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn mẫu giấy tờ về quốc tịch và mẫu số tiếp nhận các việc về quốc tịch.
- Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT/BTP-BNG-BCA ngày 01/3/2010 của liên Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an về hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ.
- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

+ Căn cứ pháp lý lĩnh vực nuôi con nuôi:

- Luật Nuôi con nuôi ngày 17 tháng 6 năm 2010.
- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.
- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 06 năm 2011 của Bộ Tư pháp, về việc ban hành và hướng dẫn việc ghi chép, lưu trữ, sử dụng biểu mẫu nuôi con nuôi.
- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung Thông tư số 12/2011/TT-BTP.
- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài.

+ Căn cứ pháp lý lĩnh vực cấp phiếu lý lịch tư pháp:

- Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009;
- Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;
- Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp Về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu số lý lịch tư pháp;
- Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 05 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;
- Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu số lý lịch tư pháp.
- Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

+ Căn cứ pháp lý lĩnh vực chứng thực:

- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
- Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.